| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 70/2023/HNGĐ-ST
Ngày:7/7/2023

*V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu
2. Bà Trần Thanh Duyên

***Thư ký phiên tòa:*** Châu Thị Phượng Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:*** Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2023/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2023 và giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Chung Thị Nh, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã HT, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

*2. Bị đơn*: Đỗ Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Đ, xã HT, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện và tự khai của chị Chung Thị Nh như sau:***

Chị Nh và anh H chung sống năm 1996. Đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thuận, Thời gian chung sống có 02 con chung tên Đỗ Đạt Q, sinh năm 1996; Đỗ Thanh V, sinh năm 2005. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai người không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cải, sống không hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ năm 2012 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt ra giải quyết

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Chị Nh bận công việc không đến tòa được nên có đơn yêu cầu tòa xét xử vắng

mặt.

*Phía anh Đỗ Văn H* đã được Tòa án thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết ý kiến của anh về việc khởi kiện của chị Nh

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định*:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị Nh cho chị được ly hôn với anh H. Về con chung: Các con trưởng thành không đặt ra để giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng**:** Quá trình giải quyết vụ án chị Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự

[2] Về hôn nhân: Chị Nh và anh H chung sống năm 1996. Đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã HT nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Nh và anh H thường xuyên cự cải, sống không hạnh phúc đã ly thân nhau tứ năm 2012. Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên cho anh, chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh H không đến, còn chị Nh thì cương quyết ly hôn. Cho thấy cả hai không có thiện chí hàng gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xử án xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của chị Nh cho chị được ly hôn với anh H là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xử án không xem xét

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc các đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 35; 227; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Chung Thị Nh cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xử án không xem xét giải quyết

Về án phí: Buộc Chị Nh nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016592 ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành; Chị Nh không phải nộp nữa.

- Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn- bị đơn. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Đỗ Thị Thu Hằng**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN CHÂU THÀNH**
**TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ…...phút, ngày 07 tháng 7 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu và bà Trần Thanh Duyên

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân thụ lý số: 442/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2023 về việc*"Tranh chấp ly hôn,"*giữa:

*1. Nguyên đơn*: Chung Thị Nh, sinh năm 1961 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã HT, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

*2. Bị đơn*: Đỗ Văn H, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã HT, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.*

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU*:*

*Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Các đương sự tranh xin ly hôn và có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

*Về tố tụng:* Quá trình giải quyết vụ án chị Nh có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh H đã được triệu tập xét xử hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

*Về điều luật áp dụng*: Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Áp dụng các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

*Về yêu cầu khởi kiện*: Thành phần Hội đồng xét xử thảo luận có ý kiến:

Về hôn nhân: Chị Nh và anh H chung sống năm 1996. Đến năm 2003 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thuận nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị Nh và anh H thường xuyên cự cải, sống không hạnh phúc đã ly thân nhau tứ năm 2012. Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên cho anh, chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh H không đến, còn chị Nh thì cương quyết ly hôn. Cho thấy cả hai không có thiện chí hàng gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xử án xét thấy mục

đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của chị Nh cho chị được ly hôn với anh H là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Các con đã trưởng thành không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xử án không xem xét

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Sau khi bàn bạc và có ý kiến như trên, Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:*

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Chung Thị Nh cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xử án không đặt ra để xem xét giải quyết

**Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:*

-Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc đương sự nộp theo quy định pháp luật

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 7 tháng 7 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thanh Duyên** **Nguyễn Thị Thúy Liễu** **Đỗ Thị Thu Hằng**